TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 300/2024/DS-PT
Ngày: 22-7-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A, đường số C, khu dân cư P, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phan Thị Ú, sinh năm 1969.

2.2. Ông Huỳnh Công T1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Trung T2, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số D, ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

4. *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông có cho vợ chồng bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 vay nhiều lần, mỗi lần vay hai bên có lập biên nhận, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 10/12/2017, vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng.

Lần 2: Vào ngày 13/12/2017, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng.

Lần 3: Vào ngày 25/12/2017, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng.

Lần 4: Vào ngày 08/01/2018, vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng.

Quá trình vay bà Ú và ông T1 đã thanh toán cho ông được số tiền vốn vay 7.000.000 đồng (do ông T2 trả). Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 phải liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 133.000.000 đồng, ông yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/01/2018 đến ngày 08/7/2023 là 66 tháng, thành tiền là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 193.000.000 đồng.

Ông T thừa nhận có việc hai bên thỏa thuận bị đơn thanh toán cho ông số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng, trả tại thời điểm thỏa thuận (tháng 12/2022) nhưng ông T1 và bà Ú không thực hiện vì vậy ông xem như thỏa thuận không có giá trị.

Ông xác định không biết bà Nguyễn Thị L là ai và ông không có nhận số tiền nào như bà L trình bày. Nếu bà L có tài liệu chứng cứ chứng minh thì ông đồng ý.

Bị đơn bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 trình bày: Ông bà có vay ông Nguyễn Xuân T nhiều lần như ông T trình bày và ông bà thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong giấy nhận nợ là của vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, mỗi lần vay, ông bà không nhận đủ số tiền vay mà bị trừ tiền môi giới 10% và tiền lãi đưa trước của 05 ngày (sau khi vay), cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 10/12/2017, ông bà vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 60%/tháng. Lần vay này, ông T đã trừ 3.000.000 đồng tiền môi giới và 05 ngày tiền lãi với số tiền 3.000.000 đồng (mỗi ngày 600.000 đồng). Ông bà chỉ thực nhận số tiền vay 24.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 13/12/2017, ông bà vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 60%/tháng. Lần vay này, ông T đã trừ 2.000.000 đồng tiền môi giới và 05 ngày tiền lãi với số tiền 2.000.000 đồng (mỗi ngày 400.000 đồng). Ông bà chỉ thực nhận số tiền vay 16.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 25/12/2017, ông bà vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 60%/tháng. Lần vay này, ông T đã trừ 5.000.000 đồng tiền môi giới và 05 ngày tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng (mỗi ngày 1.000.000

đồng) và trừ tiền lãi 05 ngày của 02 lần vay trước còn nợ 5.000.000 đồng. Ông bà chỉ thực nhận số tiền vay 35.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 08/01/2018, ông bà vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận miệng lãi suất vay là 60%/tháng. Lần vay này, ông T đã trừ 4.000.000 đồng tiền môi giới và 05 ngày tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng (mỗi ngày 800.000 đồng) và trừ tiền lãi 05 ngày của 03 lần vay trước còn nợ 10.000.000 đồng. Ông bà chỉ thực nhận số tiền vay 22.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T, vợ chồng ông bà không đồng ý vì ông bà đã trả tiền lãi cho ông T rất nhiều. Vào khoảng tháng 12/2022 âm lịch, giữa vợ chồng ông bà, con trai ông bà (tên T2), ông T và mẹ vợ ông T có thỏa thuận tại nhà ông bà về việc ông bà chỉ phải trả cho ông T số tiền vốn vay 65.000.000 đồng, trả vào tháng 07/2023 âm lịch. Do đó, nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng, trả thành 02 lần, lần 1 trả số tiền 50.000.000 đồng, tháng tiếp theo trả số tiền 40.000.000 đồng là hoàn tất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung T2 trình bày: Ông có trả tiền vay cho ông T thay ba mẹ ông với số tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, ông không nhớ chính xác. Ông đề nghị ông T đồng ý nhận 90.000.000 đồng của ba mẹ ông vì ông T đã nhận rất nhiều tiền lãi vay của ba mẹ.

Bà Nguyễn Thị L là người làm chứng trình bày: Bà có giao tiền cho ông T 05 lần thay cho bà Ú, mỗi lần giao số tiền 2.800.000 đồng. Việc giao nhận không có lập biên nhận cũng như bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Xuân T đối với bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1.

Buộc bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 phải liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 193.000.000 (một trăm chín mươi ba triệu) đồng, trong đó tiền vốn vay là 133.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.650.000 (chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.190.000 (bảy triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003726 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T không rút yêu cầu khởi kiện. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An giữ nguyên kháng nghị và các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Nguyên đơn trình bày tuy có việc hai bên thỏa thuận ông đồng ý cho bị đơn thanh toán cho số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng, trả tại thời điểm thỏa thuận (tháng 12/2022) nhưng ông T1 và bà Ú không thực hiện vì vậy xem như thỏa thuận không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn trình bày đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng như nội dung kháng nghị do phía nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn trả 65.000.000 đồng, chưa hết thời hạn thỏa thuận mà nguyên đơn đã đến yêu cầu trả tiền và cho rằng không thực hiện thỏa thuận là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm:

1. Về thủ tục tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Xét thấy thời điểm ông Nguyễn Xuân T cho ông Huỳnh Công T1 và bà Phan Thị Ú vay tiền là ngày 10/12/2017, ngày 13/12/2017, ngày 25/12/2017 và ngày 08/01/2018; thời hạn vay, hai bên thỏa thuận của mỗi lần vay là 30 ngày.

Xét về thời hiệu khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng là 03 năm "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Như ông T1 và bà Ú trình bày, vào khoảng tháng 12/2022 âm lịch, giữa vợ chồng ông T1, bà Ú và ông T có thỏa thuận về việc ông T1, bà Ú chỉ phải trả cho ông T số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng. Ông T cũng thừa nhận có việc thỏa thuận là ông T1, bà Ú thanh toán cho ông số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng tại thời điểm thỏa thuận tháng 12/2022.

Trong vụ án này, tuy ông T không thừa nhận việc ông T1 và bà Ú có trả tiền lãi cho ông T và các đương sự không đặt ra vấn đề thời hiệu khởi kiện. Nhưng xét sự thỏa thuận của ông T với ông T1 và bà Ú vào tháng 12/2022, về việc ông T1 và bà Ú chỉ phải trả cho ông T số tiền gốc vay 65.000.000 đồng, việc này là phù hợp với quy định pháp luật là hết thời hiệu khởi kiện nên ông T1 và bà Ú chỉ phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc vay. Về thời điểm trả tiền, ông T1 và bà Ú trình bày hai bên thỏa thuận trả 65.000.000

đồng gốc vay vào tháng 07/2023 âm lịch; ông T thì cho rằng trả tại thời điểm thỏa thuận là tháng 12/2022.

Thấy rằng, sự thừa nhận của ông T, giữa hai bên có thỏa thuận về việc ông T1 và bà Ú chỉ phải trả lại cho ông T số tiền gốc vay 65.000.000 đồng vào tháng 12/2022. Như vậy, ông T chỉ có quyền yêu cầu ông T1 và bà Ú trả tiền lãi trong khoảng thời gian ông T1, bà Ú vi phạm nghĩa vụ trả nợ là từ tháng 12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét tình tiết hai bên thỏa thuận vào tháng 12/2022 là ông T1 và bà Ú chỉ phải trả cho ông T số tiền gốc vay 65.000.000 đồng mà tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Ú và T1 phải liên đới thanh toán cho ông T số tiền vốn vay là 133.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 và bà Ú đồng ý trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho ông T. Vì các lẽ trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm vì những điểm phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến việc kháng nghị.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông T yêu cầu bà Ú và ông Trung liên đ thanh toán số tiền vốn vay là 133.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/01/2018 đến ngày 08/7/2023 là 66 tháng, thành tiền là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 193.000.000 đồng, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy thời điểm ông Nguyễn Xuân T cho ông Huỳnh Công T1 và bà Phan Thị Ú vay tiền là ngày 10/12/2017, ngày 13/12/2017, ngày 25/12/2017 và ngày 08/01/2018; thời hạn vay, hai bên thỏa thuận của mỗi lần vay là 30 ngày.

Xét về thời hiệu khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng là 03 năm “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".

Như ông T1 và bà Ú trình bày, vào khoảng tháng 12/2022 âm lịch, giữa vợ chồng ông T1, bà Ú và ông T có thỏa thuận về việc ông T1, bà Ú chỉ phải trả cho ông T số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng. Ông T cũng thừa nhận có việc thỏa thuận là ông T1, bà Ú thanh toán cho ông số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng tại thời điểm thỏa thuận tháng 12/2022.

Như vậy, ông T chỉ có quyền yêu cầu ông T1 và bà Ú trả tiền lãi trong khoảng thời

gian ông T1, bà Ú vi phạm nghĩa vụ trả nợ là từ tháng 12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc 65.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét tình tiết hai bên đã thỏa thuận lại ông T1 và bà Ú chỉ phải trả cho ông T số tiền gốc vay 65.000.000 đồng vào tháng 12/2022 mà tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Ú và T1 phải liên đới thanh toán cho ông T số tiền vốn vay là 133.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng tự nguyện đồng ý trả số tiền 90.000.000 đồng cho nguyên đơn nên được ghi nhận. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Xuân T đối với bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1.

Buộc bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 phải liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Phan Thị Ú và ông Huỳnh Công T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.

2.2. Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 5.150.000 đồng. Ông Nguyễn Xuân T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền là:7.190.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003726 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chuyển số tiền trên sang án phí 5.150.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân T số tiền là: 2.040.000 đồng.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những